

Số: 665/QĐ-VTS

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông Vận tải ngày về việc ban hành biểu khung giá dịch Hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu đã được sửa đổi bổ sung lần 4 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 thông qua ngày 10/01/2018;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động và làm việc của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-HĐQT/VTS ngày 27/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được thực hiện từ ngày 01/01/2023 của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.

Những nội dung chưa quy định tại Quyết định này sẽ được thực hiện theo Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

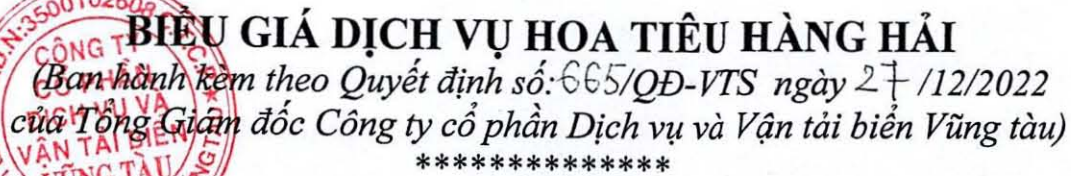
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 731/QĐ-VTS ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu về việc Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Quyết định số 306/QĐ-VTS ngày 30/6/2022 V/v giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tài chính – Kế toán, Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC-KT.





Điều 1. Đối tượng áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu

2. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

b) Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;

3. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

b) Tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;

d) Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi, cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí trong khu vực trách nhiệm của cảng vụ hàng hải.

4. Tàu công vụ là tàu thuyền chuyên dùng để thực hiện công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại không thuộc đối tượng tính giá theo Biểu giá này.

5. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hóa, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo Biểu giá này.

Điều 2. Tuyển dẫn tàu của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu được Cục Hàng hải giao:

Công ty được giao thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải thuộc địa phận: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai, Tuyến Sông Tiền từ cửa khẩu đến Vĩnh Xương thuộc các tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

1. Các tuyến dẫn tàu được giao tương ứng với giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại Điều 8 (đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa) và Điều 9 (đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế) của Biểu giá này, cụ thể:

- Tuyến P/S Vũng Tàu - Vùng neo Gành ráy;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Cụm Cảng: PTSC/VSP, PVOIL, PVC MS, VT SHIPYARD;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Cụm cảng : Cát Lở, Đông Xuyên, Ship Yard, Hà Lộc, HQ129, Kho XDK2, VARD, STM, VISAL, VẠN AN, SHIPYARD, SOFEL, VINA OFFSHORE;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Long Sơn (Hydrocarbon);
- Dịch chuyển chuyển trong các cảng trên luồng Sông Dinh;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Cụm cảng: Vedan, Gò Dầu A, Phosphat Long thành, Bến tổng hợp số 2, Unique gas, Gò Dầu B, Cẩm Phả;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Cụm cảng: Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, SCCVN-Holcim, SITV, Baria Serece, Phú Mỹ PTSC, Nhà máy thép Phú Mỹ, SP-PSA, POSCO YAMATO VINA, ODA Thị Vải, Thị Vải port;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Cụm cảng: Interflour, PVGas, Petec, Ba son, Hyosung Vina chemical, Tổng hợp Cái Mép;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Cụm cảng: Xăng dầu Hưng Thái, Quốc tế Cái mép (CMIT), SSIT, Gemalink;
- Tuyến P/S Vũng Tàu - Bến phao BP1, Bến phao BP2, Bến phao BP3 trên sông Cái Mép;
- Tuyến P/S Vũng Tàu- Gò Da;
- Dịch chuyển tàu tại các cảng luồng Cái Mép – Thị Vải;
- Các tuyến trên sông Cái Mép - Thị Vải, Sông Dinh, bến phao 50.000 DWT kho xăng dầu Cù Lao Tào đến các bến cảng khu vực cảng biển TP.Hồ Chí Minh (trừ các bến cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn quản lý, khai thác).
- Tuyến Côn Đảo – Cảng Bến Đầm (Côn đảo);
- Tuyến P/S Vũng Tàu – Biên giới Vĩnh Xương.

2. Các tuyến hàng hải khác: Là các tuyến hàng hải mà Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu được cấp phép hoạt động.

Điều 3. Thời gian làm việc

- Giờ làm việc hành chính: buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 phút vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

- Giờ trực ban hoa tiêu và hoa tiêu dẫn tàu 24h/24h (kể cả ngày thứ bảy, Chủ nhật, Lễ, Tết).

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Biểu giá này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ;

2. Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí là tàu thuyền phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ dầu khí;

3. Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định;

4. Lượt dẫn tàu được tính là việc hoa tiêu hàng hải dẫn tàu liên tục từ vị trí hoa tiêu lên tàu đến vị trí hoa tiêu rời tàu theo quy định;

5. Một chuyến được tính là tàu thuyền vào khu vực hàng hải 01 lượt và rời khu vực hàng hải 01 lượt;

6. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đơn vị tính và cách làm tròn

1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển.

2. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất, được quy đổi như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cặp mạn: tính bằng tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cặp mạn, bao gồm: sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

3. Đơn vị tính công suất máy: công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

4. Đơn vị thời gian:

a) Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

b) Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

5. Đơn vị khoảng cách tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải là hải lý (HL); phần lẻ dưới 01 HL tính bằng 01 HL.

Điều 6. Đồng tiền tính giá dịch vụ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế;

2. Đồng tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu là Đồng Việt Nam đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa;

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản do Ngân hàng Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát hành hóa đơn dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Điều 7. Cơ sở xác định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được tính theo từng lượt dẫn tàu, bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng quy định tại Điều 8, Điều 9 Biểu giá này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền; riêng đối với điểm 3 khoản 1 Điều 8 và điểm 1, điểm 2 khoản 1 Điều 9 thì được tính bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng với tổng dung tích của tàu thuyền.

2. Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu tính theo quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối thiểu cho 01 lượt dẫn tàu thì áp dụng bằng giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Điều 8, Điều 9 của Biểu giá này.

3. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dẫn;

b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

4. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu khi cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải sẽ sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật.

5. Các mức giá của Biểu giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Chương II : CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa

1. Bảng giá dịch vụ:

TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt dẫn tàu.	Đồng/GT/HL	35,00
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 500.000 đồng/lượt dẫn tàu	Đồng/GT/HL	40,00
3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 300.000 đồng/lượt dẫn tàu	Đồng/GT	60,00
4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 300.000 đồng/lượt dẫn tàu	Đồng/GT/HL	25,00
5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền còn lại; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 500.000 đồng/lượt dẫn tàu.	Đồng/GT/HL	25,00

2. Các quy định cụ thể:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 20.000 đồng/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 200.000 đồng/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời

gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong biểu giá quy định tại Điều này;

c) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong biểu giá quy định tại Điều này;

d) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, trường hợp thuyền trưởng yêu cầu hoa tiêu ở lại trên tàu thì tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

đ) Tàu thuyền có hành trình đề thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì biểu giá áp dụng bằng 110% biểu giá quy định tại Điều này;

e) Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, biểu giá áp dụng bằng 80% biểu giá quy định tại Điều này;

g) Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/ tháng tại 01 khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ tư trở đi biểu giá áp dụng bằng 50% biểu giá quy định tại Điều này đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo biểu giá quy định tại khoản 1 Điều này;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh cho việc đón trả hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đưa đón hoa tiêu không vượt quá 300.000 đồng/tàu/lượt;

i) Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực thì tổ chức hoa tiêu thu giá dịch vụ hoa tiêu bằng giá tối thiểu cho 01 tàu/lượt dẫn tàu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

1. Bảng giá dịch vụ:

TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển giữa các cảng dầu khí; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 200USD/lượt dẫn tàu.	USD/GT	0,030
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu	USD/GT	0,0150

dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 10 USD/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 20 USD/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều này;

c) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

d) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì biểu giá áp dụng bằng 110% biểu giá quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

đ) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật thì biểu giá áp dụng bằng 150% biểu giá quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

e) Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản này) thì biểu giá áp dụng bằng 110% biểu giá quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

g) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng 300 USD/tàu/lượt dẫn;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 30 USD/tàu/lượt dẫn;

i) Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 03 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, biểu giá áp dụng bằng 80% biểu giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nhưng không thấp hơn 300 USD;

k) Chủ tàu thuyền có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, biểu giá áp dụng bằng 50% biểu giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nhưng không thấp hơn 300 USD;

l) Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, biểu giá áp dụng bằng 40% biểu giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nhưng không thấp hơn 300 USD;

m) Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo biểu giá

dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa;

n) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, biểu giá áp dụng bằng 70% biểu giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Biểu giá này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Điều 11. Thủ tục sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

1. Biểu mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu (*phụ lục kèm theo*)
2. Thông tin liên hệ:
 - Tên Công ty: Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
 - Địa chỉ: 88 Ha Long, Phường 2, TP. Vũng Tàu.
 - Email: vungtauship@gmail.com
3. Chi tiết các Phòng, Ban Công ty:
 - Phòng Điều độ: 0254.3856106/810546 Fax : 0254.3856069
 - Phòng Tài chính – Kế toán: 0254.3810545



**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ
(PILOTAGE ORDER)**

Mã số khách hàng
(do công ty Hoa tiêu cung cấp)

Tên đại lý/ chủ tàu gửi order:

Địa chỉ đại lý/ chủ tàu:

Số điện thoại:.....Fax.....Mail:.....

Yêu cầu Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng tàu- Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng tàu bố trí hoa tiêu dẫn tàu

Thông số kỹ thuật tàu:

Tàu	Quốc tịch	Hồ hiệu
LOA/BEAM	Draft (F/A)	Loại tàu
GRT	NRT	HĐKD tuyến
DWT	Hàng hóa	Loại hàng hóa

Ca nô đẹp luồng: ☐ Có ☐ Không

Yêu cầu hoa tiêu dẫn tàu:

Vào

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

Rời

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

Dời

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

Cảng rời:.....

Cảng đến:

Cảng đến tiếp theo:.....

Giá dịch vụ hoa tiêu tính cho đại lý/ chủ
tàu:.....

Cụ thể thông tin xuất Hóa đơn thu phí hoa tiêu như sau

Tên công ty (khách hàng):.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ giao, nhận HĐ:.....

Cam kết thanh toán tiền phí hoa tiêu:.....

Hình thức thanh toán:

....., ngày tháng năm

Ký tên và đóng dấu (số ĐT liên lạc)

*** Ghi chú:**

- Order được xem như một hợp đồng có giá trị pháp lý cam kết yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu và thanh toán giữa khách hàng (đại lý/chủ tàu) và Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.

- Trường hợp Order không có dấu tròn thì người ký xác nhận trên Order phải là người đã được đại lý/chủ tàu giới thiệu bằng văn bản cụ thể.

- Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không theo mẫu này thì mẫu Order của khách hàng phải đầy đủ các thông tin theo yêu cầu Công ty chúng tôi mới chấp nhận thực hiện dịch vụ.